

# BÀN VỀ CÁC YẾU TỐ DẪN ĐẾN RỦI RO CÓ GIAN LẬN TRONG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tạ Thu Trang \*, Nguyễn Thị Hương\*\*

*Bài viết này bàn về các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính doanh nghiệp với mục tiêu đánh giá tác động và ảnh hưởng của gian lận trong lập báo cáo tài chính đến nền kinh tế. Thông qua tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới về các yếu tố điển hình dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính tài chính, tác giả phân tích các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam giúp các nhà quản lý, các đơn vị kiểm tra/kiểm toán/thanh tra xây dựng các phương pháp phát hiện và kiểm soát gian lận một cách hiệu quả.*

**Từ khóa:** Gian lận, gian lận trong lập báo cáo tài chính, các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính.

## 1. Giới thiệu

Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính, hình thức và mức độ gian lận trong báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp ngày càng đa dạng và phức tạp. Mức độ tinh vi và nghiêm trọng của các gian lận trong báo cáo tài chính ngày càng lớn, đã làm thiệt hại và ảnh hưởng đến các doanh nghiệp, các nhà đầu tư và đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong những năm gần đây, nhiều vụ gian lận dẫn đến sự sụp đổ của những tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới như các tập đoàn Xerox, Enron,... Theo kết quả thống kê của Hiệp hội điều tra chống gian lận trong năm 2010, tổn thất của gian lận tài chính hàng năm ước tính trên toàn thế giới khoảng hơn 2,9 nghìn tỷ USD (ACFE, 2010). Bên cạnh đó, nhiều vụ việc gian lận trong báo cáo tài chính vẫn không phát hiện, xử lý kịp thời và tác động trực tiếp uy tín và hình ảnh của các công ty kiểm toán. Theo kết quả khảo sát của KPMG tại Malaysia 2008, kiểm toán viên độc lập chỉ phát hiện 8% tỷ lệ mắc gian lận do doanh nghiệp thực hiện (KPMG, 2009).

Trước thực trạng trên, nhằm ngăn chặn và hạn chế các gian lận trong báo cáo tài chính cũng như nâng cao chất lượng kiểm toán của các công ty kiểm

toán độc lập, các hiệp hội nghề nghiệp không ngừng chỉnh sửa và ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán mới nhằm nâng cao trách nhiệm của kiểm toán viên đối với phát hiện gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính. Cụ thể, Hội Kiểm toán hành nghề Việt Nam cũng ban hành các chuẩn mực kiểm toán nhằm nâng cao trách nhiệm của kiểm toán viên và các thủ tục kiểm toán phát hiện gian lận đối với các doanh nghiệp/tổ chức được kiểm toán, cụ thể hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam mới ban hành 2012 (Bộ Tài chính, 2012). Trong đó, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 240 có sự thay đổi đáng kể về nội dung và hình thức để nâng cao “*Trách nhiệm của Kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính*”. Tuy nhiên, trong góc độ nghiên cứu, bài viết này chỉ đề cập nội dung liên quan đến các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính (phần quan trọng được đề cập mới và bổ sung trong chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 240) để giúp kiểm toán viên lập kế hoạch kiểm toán một cách hiệu quả.

**2. Các trường phái và công trình nghiên cứu các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính trên thế giới và Việt Nam**

Trên thế giới có nhiều công trình khoa học nghiên

cứu về gian lận ở nhiều khía cạnh khác nhau. Qua thống kê, có thể chia ra hai trường phái nghiên cứu chính về gian lận bao gồm nghiên cứu gian lận thông qua Dấu hiệu đỏ (Red Flags) và Nghiên cứu gian lận qua Tam giác Gian lận của tác giả Donal R. Cressey.

Albert và Romney (1986) đã nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên về 87 dấu hiệu đỏ thông qua phỏng vấn, khảo sát bằng câu hỏi đối với kiểm toán viên để phát hiện các dấu hiệu gian lận phổ biến trong báo cáo tài chính. Năm 1989, Hiệp hội Kế toán viên công chứng Mỹ (AICPA) ban hành Hướng dẫn Chuẩn mực Kiểm toán Số 53 (SAS 53) thay thế cho SAS 16 với tiêu đề “*Trách nhiệm của Kiểm toán viên trong phát hiện và thông báo về sai sót và những hành vi trái pháp luật*”. Sau sửa đổi SAS 53, phần lớn những nghiên cứu thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn đối với kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập với các câu hỏi nhằm xác định các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong SAS 53. Bell và Carcello (2000) sử dụng số lượng lớn các biến (47 yếu tố cộng với mối liên hệ giữa các yếu tố) để dự đoán. Tuy nhiên, nghiên cứu của Cottrell và Albercht (1994) cho rằng các dấu hiệu đỏ vừa không có tính dự đoán vừa không đầy đủ, câu phỏng vấn được cho là dài dòng và mang tính chủ quan. Những dữ liệu liên quan các dấu hiệu đỏ dựa trên hầu hết các biến đó không sẵn cho nhà nghiên cứu và người quan tâm, và khó thực hiện những dấu hiệu đỏ trong hoạt động thực tế.

Năm 1997, Hiệp hội Kế toán viên công chứng Hoa Kỳ tiếp tục sửa đổi, thay SAS 53 bằng SAS 82 với tiêu đề *Xem xét gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính* để hỗ trợ cho kiểm toán viên trong phát hiện gian lận trong Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, đến năm 2002, SAS 82 được thay thế bằng SAS 99 với tiêu đề *Xem xét gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính* để mở rộng các thủ tục kiểm toán để phát hiện gian lận. Cũng năm 2002, Ủy Ban Chuẩn mực Kiểm toán quốc tế (IAASB) của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) ban hành chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) 240 với tiêu đề *Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với xem xét gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính*. Những yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong các chuẩn mực kiểm toán gian lận (ISA 240) đều dựa trên trường phái **Tam giác gian lận** do D.R. Cressey nghiên cứu năm 1953 với công trình mang tên *Nghiên cứu về tâm lý xã hội trong tham ô*. Cressey tập trung nghiên cứu các hành vi gian lận xuất phát từ 3 yếu tố quan trọng là động cơ/áp lực, cơ hội và thái độ hoặc sự biện

minh của hành vi gian lận.

Các công trình nghiên cứu các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập Báo cáo tài chính có liên quan đến tam giác gian lận như: Heiman – Hoffman và các cộng sự (1996) cho rằng yếu tố thái độ quan trọng hơn yếu tố rủi ro về cơ hội và áp lực; Skousen và Wright (2006) phát triển mô hình dự đoán gian lận bao gồm các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận chỉ liên quan đến áp lực và cơ hội; Abdul Majid, Gul và Tsui (2001) khảo sát kiểm toán nội bộ; Gramling và Myres (2003) Moyes, Lin và Landry (2005) phản ánh trong nghiên cứu nhận thức về các yếu tố tác động tới rủi ro có gian lận thường liên quan đến thái độ và cá tính của nhà quản lý là quan trọng hơn các yếu tố khác; Moyes và các cộng sự (2008) thực hiện khảo sát các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận theo quan điểm của các kiểm toán viên. Các tác giả cho rằng các yếu tố thái độ (yếu tố tiền sử vi phạm pháp luật hoặc vi phạm luật chứng khoán, những cáo buộc gian lận đối với thành viên hội đồng quản trị hoặc giám đốc cao cấp) là xu hướng phát hiện gian lận hiệu quả hơn so với các yếu tố về cơ hội (đặc điểm ngành) và áp lực; Modar Abullatif (2013) thấy rằng các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận đều xuất phát từ đặc điểm của nhà quản lý và thái độ của nhà quản lý, trong khi các yếu tố khó khăn về tình hình tài chính của khách hàng không quan trọng.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu gần đây tiếp cận đánh giá các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận theo lý thuyết **Tam giác gian lận** của D.R. Cressey. Các nghiên cứu đều nhấn mạnh các yếu tố thái độ của nhà quản lý ảnh hưởng lớn đến các yếu tố rủi ro dẫn đến rủi ro gian lận trong lập báo cáo tài chính sau đó là cơ hội (đặc điểm ngành,...) và áp lực (tình hình tài chính của đơn vị,...). Từ những nghiên cứu trên, tác giả thấy rằng cần nghiên cứu việc nhận diện các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận chủ yếu ảnh hưởng đến lập báo cáo tài chính do các công ty kiểm toán độc lập thực hiện tại Việt Nam (nước đang phát triển) để xác định liệu có sự khác biệt trong nghiên cứu với các nước cùng khu vực và các nước phát triển.

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu về các yếu tố tác động tới rủi ro có gian lận trong lập Báo cáo tài chính còn hạn chế. Ngô Thị Thu Hà (2007) đã phân loại các loại gian lận, sai sót, các văn bản của hệ thống chuẩn mực về trách nhiệm của kiểm toán viên đối với phát hiện gian lận và sai sót và đưa ra 1 số tình huống gian lận và sai sót một số công ty phân loại theo ngành và hình thức sở hữu, quy mô.

Thông qua tổng quan nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, tác giả thấy rằng tìm hiểu và phân tích các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận là một khoảng trống nghiên cứu tại Việt Nam. Do đó, bài viết này sẽ phân tích các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận nổi bật trong các vụ gian lận của các doanh nghiệp Việt Nam để cùng trao đổi và rút ra bài học cho các công ty kiểm toán nói riêng và doanh nghiệp Việt Nam nói chung.

### **3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Cơ sở lý thuyết**

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 240 (VSA 240) về *Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính*: Gian lận là hành vi cố ý do một hoặc nhiều người trong ban quản trị, ban giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện bằng các hành vi gian dối để thu lợi bất chính hoặc bất hợp pháp.

Hành vi gian lận là hành vi khó phát hiện vì khi thực hiện thì hành vi đó thường được che giấu cẩn thận và có tính toán. Theo lý thuyết tam giác gian lận của Cressey, hành vi gian lận được thực hiện trên 3 yếu tố là cơ hội, động cơ/ áp lực và thái độ của người thực hiện. Cụ thể, khi con người chịu các áp lực như áp lực về tài chính, áp lực hoàn cảnh,... mà có cơ hội thuận lợi (sự yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc giám sát lỏng lẻo,...) thì các cá nhân đều có thái độ hoặc sự biện minh về việc thực hiện hành vi gian lận khi có cơ hội thuận lợi và áp lực lớn.

Theo VSA 240, Gian lận trong báo cáo tài chính bao gồm 2 loại: Biếm thủ tài sản và lập báo cáo tài chính gian lận. Do bài viết tập trung nghiên cứu về lập báo cáo tài chính gian lận nên tác giả nghiên cứu các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính dựa trên lý thuyết Tam giác gian lận của Cressey là nền tảng cơ sở lý thuyết.

Các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận là các sự kiện hoặc điều kiện phản ánh một động cơ hoặc áp lực phải thực hiện hành vi gian lận hoặc tạo cơ hội thực hiện hành vi gian lận (theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 240).

Dựa trên lý thuyết Cressey, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 240 đã đưa ra một số các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính nếu doanh nghiệp chịu động cơ/ áp lực cao và có cơ hội tốt thì thái độ hoặc sự biện minh cho hành động gian lận có thể được thực hiện:

*3.1.1. Các yếu tố động cơ hoặc áp lực có thể dẫn đến hành vi gian lận trong lập báo cáo tài chính*

*được thực hiện*

- Sự ổn định tài chính hay khả năng sinh lời bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế, ngành nghề kinh doanh hay điều kiện hoạt động của đơn vị;

- Áp lực cao đối với ban giám đốc nhằm đáp ứng các yêu cầu hoặc kỳ vọng của các bên thứ ba; hay áp lực cao đối với ban giám đốc hoặc nhân sự điều hành để đạt được các mục tiêu tài chính mà ban quản trị đặt ra, bao gồm các chính sách khen thưởng theo doanh thu hay tỷ suất lợi nhuận;

- Tình hình tài chính cá nhân của ban giám đốc hoặc ban quản trị bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động của doanh nghiệp;

*3.1.2. Các cơ hội thuận lợi sau là điều kiện để đơn vị thực hiện hành vi gian lận trong lập báo cáo tài chính*

- Đặc điểm của ngành hay các hoạt động của đơn vị;

- Việc giám sát hoạt động của ban giám đốc không hiệu quả;

- Cơ cấu tổ chức phức tạp hoặc không ổn định;

- Kiểm soát nội bộ kém hiệu lực;

*3.1.3. Thái độ hoặc sự biện minh cho hành động*

- Ban Giám đốc cam kết với các chuyên gia phân tích, chủ nợ và bên thứ ba sẽ đạt được những mức dự báo quá cao hoặc không thực tế;

- Thành viên ban giám đốc không có chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính nhưng can thiệp quá mức hoặc chiếm được quyền áp đặt chính sách kế toán hoặc xác định những ước tính kế toán quan trọng;

- Ban Giám đốc đồng thời là chủ sở hữu, không tách biệt giao dịch cá nhân với giao dịch kinh doanh;

- Tranh chấp giữa những cổ đông trong một đơn vị có ít thành viên;

- Đã có tiền sử vi phạm pháp luật về chứng khoán hoặc pháp luật và các quy định khác, hoặc đơn vị bị khiếu kiện, hoặc ban quản trị, ban giám đốc bị cáo buộc gian lận hoặc vi phạm pháp luật và các quy định;

- Ban giám đốc không thể kịp thời sửa chữa những yếu kém trọng yếu đã được xác định trong hệ thống kiểm soát nội bộ;

- Yếu kém về đạo đức trong thành viên ban giám đốc.

#### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sẽ sử dụng phương pháp nghiên cứu từ



nguồn số liệu thứ cấp làm cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới để phân tích các yếu tố quan trọng dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính và dựa trên các sự kiện gian lận xảy ra ở Việt Nam để phân tích một số các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính ở các doanh nghiệp Việt Nam.

#### **4. Phân tích các yếu tố tác động đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam**

Dựa trên thực tế các hành vi gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam, tác giả phân tích một số yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính là ví dụ điển hình như sau:

##### **4.1. Động cơ/áp lực**

*4.1.1. Lợi ích của ban giám đốc/ban quản trị gắn với tình hình tài chính của đơn vị*

Cơ cấu thu nhập, lương thưởng của ban lãnh đạo phụ thuộc lớn từ kết quả tài chính của doanh nghiệp là động cơ để ban giám đốc điều chỉnh báo cáo theo hướng tốt để nhận được thu nhập/thưởng cao hơn. Tỷ lệ thưởng từ kết quả kinh doanh càng lớn thì động cơ làm tăng kết quả kinh doanh càng cao và ngược lại. Nhằm thúc đẩy tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp hiện nay có xu hướng tăng tỷ lệ thu nhập/thưởng cho cán bộ nhân viên, đặc biệt là nhóm lãnh đạo cấp cao gắn với kết quả kinh doanh của đơn vị. Công cụ này cũng tạo động cơ cho việc làm sai lệch báo cáo nhằm thực hiện chỉ tiêu thu nhập cuối kỳ của ban lãnh đạo công ty nếu không được kiểm soát tốt.

*4.1.2. Áp lực của việc đáp ứng kỳ vọng của bên thứ ba*

Các kỳ vọng của bên thứ 3 như cổ đông, nhà đầu tư, ngân hàng liên quan các chỉ tiêu như giá cổ phiếu, hiệu quả lợi nhuận, cơ cấu tài chính. Nếu mức kỳ vọng này ở mức quá lạc quan sẽ gây sức ép lên ban điều hành trong việc đáp ứng các kỳ vọng này dẫn đến có thể làm sai lệch thông tin của báo cáo tài chính, đặc biệt khi doanh nghiệp có kế hoạch phát hành cổ phiếu hoặc huy động vốn từ ngân hàng, hoặc một số cổ đông lớn có kế hoạch thoái vốn khỏi công ty, việc thay đổi kết quả lợi nhuận làm tăng/giảm giá trị cổ phiếu, hoặc việc thay đổi cơ cấu tài chính làm tăng năng lực tài chính của doanh nghiệp. Ví dụ, trường hợp này xảy ra khá phổ biến các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán trước thông tin phát hành thêm cổ phiếu. Nhật Minh – Hoàng Ly (2010) đã đưa ra trường hợp công ty bất

động sản Quốc Cường Gia Lai giữ nguyên số liệu lợi nhuận 6 tháng đầu năm là 13, 4 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi giấy phép phát hành được cấp phát hành thêm 612 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu, thông tin về khoản lợi nhuận đột biến tăng gần gấp 5 lần số liệu trước (64,1 tỷ đồng), tác động lớn đến giao dịch của các nhà đầu tư.

*4.1.3. Môi trường ngành có nhiều thay đổi lớn theo hướng bất lợi hoặc tích cực đối với doanh nghiệp:*

Khi có những thay đổi về nhu cầu thị trường, cạnh tranh và các yếu tố vĩ mô làm cho ảnh hưởng kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ có xu hướng xử lý kỹ thuật về báo cáo tài chính nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh được giao. Suy thoái kinh tế trong vài năm gần đây khiến nhiều doanh nghiệp không những không đạt được kế hoạch kinh doanh mà bị thua lỗ và lâm vào tình trạng phá sản. Để tồn tại và tiếp tục nhận được hỗ trợ từ nhà đầu tư, các ngân hàng cung cấp vốn, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng lập báo cáo tài chính giảm lỗ/tăng lỗ để đối mặt với áp lực của những thay đổi trong ngành nghề kinh doanh.

##### **4.2. Cơ hội**

*4.2.1. Cơ cấu sở hữu*

Doanh nghiệp nhà nước: Đặc thù của doanh nghiệp nhà nước là vốn thuộc Nhà nước và không gắn với một tổ chức và cá nhân nào trong vai trò là cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc Ban điều hành. Người đại diện vốn nhà nước mang tính danh nghĩa hơn là cổ đông thực sự. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước không đem lại lợi ích trực tiếp cho người đại diện vốn nhà nước. Cơ hội và động cơ gian lận sẽ cao hơn so với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần đặc biệt trong việc khai báo thành tích làm hưởng lợi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân đại diện phần vốn nhà nước. Thực tế cho thấy gian lận tại các doanh nghiệp nhà nước là khá phổ biến, điển hình là các vụ việc ở Vinashin, Vinaline thời gian gần đây, bao gồm các gian lận về đầu tư và thương mại làm thiệt hại lớn cho nhà nước. Huyền Thư (2013) cho thấy kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Vinashin đã báo cáo không trung thực tình hình sử dụng vốn và đầu tư dàn trải không hiệu quả, Vinashin vi phạm nghiêm trọng quy định của Nhà nước về lập, phê duyệt, đấu thầu các dự án, các khoản nợ rất lớn, mất khả năng thanh toán.” Từ đó, Vinashin đã tăng số nợ đến 86.000 tỷ (chiếm 80% tổng tài sản).

Doanh nghiệp có vốn chi phối từ một vài cổ đông

lớn: số lượng cổ động càng ít thì chi phối trong hoạt động của doanh nghiệp càng lớn, doanh nghiệp có thể có cơ hội để thực hiện các hành vi gian lận phục vụ cho lợi ích cá nhân của cổ đông/nhóm cổ đông chi phối. Điển hình là các doanh nghiệp/tổ chức đại chúng, các định chế tài chính. Rủi ro có gian lận và mức ảnh hưởng sẽ là rất lớn nếu bị thao túng. Các vụ việc gần đây liên quan đến hành vi đầu tư và thao túng các ngân hàng tại Việt Nam như vụ án khởi tố và bắt giữ bầu Kiên liên quan đến Ngân hàng ACB là một điển hình về đầu tư chi phối và thao túng ngân hàng.

#### *4.2.2. Đặc điểm ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức*

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có tính độc quyền cao, có khả năng áp đặt các điều kiện với các đối tác kinh doanh: Lợi thế này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thực hiện một số giao dịch phi thị trường nhằm phục vụ lợi ích cho doanh nghiệp hoặc nhóm cá nhân lãnh đạo, nhà đầu tư. Các doanh nghiệp độc quyền nhà nước trong một số lĩnh vực/ngành nghề thường sẽ có các lợi thế này.

Doanh nghiệp mô hình tập đoàn có nhiều đơn vị thành viên: doanh nghiệp có thể thực hiện các hành vi gian lận thông qua các giao dịch với các đơn vị thành viên, đơn vị liên doanh liên kết, đặc biệt là các giao dịch phi thị trường/giao dịch không làm thực hiện mục tiêu của lãnh đạo doanh nghiệp. Điển hình trong thời gian qua là việc thành lập các công ty sân sau/công ty con của một số tập đoàn với mục đích tạo lợi ích cho một số nhóm cá nhân/tránh thuế, thực hiện các giao dịch huy động vốn khi thực hiện các giao dịch qua các đơn vị này.

Doanh nghiệp hoạt động đa ngành có nhiều hoạt động nghiệp vụ đặc thù khác biệt: với nhiều hoạt động nghiệp vụ khác nhau, tính phức tạp trong giao dịch, nhiều chính sách kế toán đặc thù hoặc các nghiệp vụ tài chính sử dụng nhiều ước tính kế toán sẽ làm tăng cơ hội về thực hiện gian lận đối với doanh nghiệp. Nguy cơ gian lận từ các tập đoàn đa ngành thường lớn hơn các doanh nghiệp đơn ngành.

#### *4.2.3. Hệ thống kiểm soát nội bộ không hiệu quả*

Thành viên hội đồng quản trị không tách bạch với ban điều hành: tính độc lập và vai trò giám sát của hội đồng quản trị sẽ bị giảm hiệu lực, cơ hội để thực hiện gian lận trong các doanh nghiệp này sẽ tăng lên. Điển hình là các doanh nghiệp chủ tịch hội đồng quản trị đồng thời là tổng giám đốc. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản được các nhà quản lý đánh giá là làm cho các sai lầm và các gian lận của Tập

đoàn Vinashin xảy ra trong thời gian dài không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Ban điều hành được phân cấp quyền hạn lớn, quyền lực tập trung nhiều vào một hoặc một số người: Việc phân cấp nhiều quyền lực cho ban điều hành sẽ làm tăng tính chủ động nhưng cũng sẽ tạo cơ hội cho việc thực hiện các hành vi gian lận nếu có.

Chính sách quản trị thiếu và kém hiệu lực: Chính sách quản trị, chính sách tài chính kế toán không đầy đủ, không chi tiết quy định cho các hoạt động giao dịch và tài chính công ty sẽ tạo cơ hội cho việc thực hiện các hành vi gian lận (nếu có) của ban giám đốc doanh nghiệp. Chính sách và các thủ tục quản lý là một hệ thống quan trọng trong quản trị và kiểm soát công ty, nếu các giao dịch/nghiệp vụ trọng yếu trong tổ chức không có các quy định cụ thể về cách thức tổ chức thực hiện hoặc không được tuân thủ nghiêm túc tạo ra cơ hội để các cá nhân thực hiện các hành vi gian lận mà không được kiểm soát.

Hệ thống thông tin quản trị không đủ chi tiết và không được báo cáo thường xuyên. Nếu hệ thống báo cáo quản trị công ty (đặc biệt là báo cáo quản trị tài chính) không được soát xét định kỳ (hàng tháng/quý) và không đủ chi tiết để phân tích đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp thì các hành vi gian lận (nếu có) khó được phát hiện và ngăn ngừa kịp thời. Bên cạnh môi trường kiểm soát, hệ thống chính sách/thủ tục kiểm soát, hệ thống thông tin kế toán là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ. Các doanh nghiệp yếu kém về hệ thống kiểm soát nội bộ thì rủi ro có gian lận không được phát hiện kịp thời hoặc tạo cơ hội cho các cá nhân/nhóm cá nhân thực hiện các hành vi gian lận.

### **4.3. Thái độ hoặc thái độ biện minh**

#### *4.3.1. Ban giám đốc có tiền xử về vi phạm pháp luật*

Việc vi phạm pháp luật của ban giám đốc cho thấy ý thức về tuân thủ pháp luật và quy định kém (bao gồm cả các quy định nội bộ). Ban giám đốc có thể thực hiện các hành vi vi phạm trong đó vi phạm các quy định về chế độ kế toán tài chính trong tổ chức/doanh nghiệp. Ý thức pháp luật của ban giám đốc có thể được đánh giá qua lý lịch của các cá nhân và quá trình phát triển bản thân họ. Những người có năng lực học vấn thấp hoặc ở môi trường đào tạo không chuyên nghiệp rất có nguy cơ vi phạm các quy định có thể là cố ý hoặc không.

#### *4.3.2. Ban giám đốc có tính độc đoán/và chuyên quyền*

Tính cách này sẽ có nguy cơ làm ban giám đốc có

thể làm dụng quyền lực, vi phạm các quy định kiểm soát nội bộ hoặc pháp luật nhà nước để thực hiện các mục tiêu của mình. Tính cách này có thể biểu hiện qua cá tính của người lãnh đạo, qua cách thức quản trị điều hành của ban giám đốc với nhân viên, thiếu tính dân chủ và minh bạch thông tin trong tổ chức.

#### 4.3.3. Ban giám đốc tham vọng quá mức về kế hoạch kinh doanh

Tham vọng và đặt ra các mục tiêu quá cao gây sức ép lên hệ thống ban điều hành và các nhân viên. Ban giám đốc có thể sẽ phải thực hiện mọi biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra, trong đó không ngoại trừ việc làm sai lệch báo cáo tài chính. Tham vọng của ban giám đốc được thể hiện qua cả chỉ tiêu kinh doanh lạc quan mà họ đề ra cho doanh nghiệp, các dự án đầu tư lớn vượt quá khả năng tài chính và nguồn lực của tổ chức.

#### 4.3.4. Ban giám đốc có lối sống xa hoa, vượt quá thu nhập chính thống từ doanh nghiệp/tổ chức

Đây cũng có thể là dấu hiệu cho thấy có các nguồn thu nhập không chính thức của ban lãnh đạo có thể đến từ các hành vi gian lận và không được công khai. Lối sống này được biểu hiện qua các tài sản mà người đó đang sở hữu/sử dụng như xe cộ, nhà cửa, các vật dụng cá nhân, biểu hiện qua cách chi tiêu xa xỉ của họ cho cả hoạt động của công ty và cho các hoạt động cá nhân mình.

### 5. Kết luận và kiến nghị

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, gian lận ngày càng đa dạng, phức tạp và tinh vi hơn tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế- xã hội. Đảng và Nhà nước đang nỗ lực đẩy mạnh việc chống tham nhũng trong đó gian lận tài chính là vấn đề quan

trọng. Bài viết hy vọng giúp đưa ra các phương pháp tiếp cận trong việc ngăn ngừa, kiểm soát và phát hiện các gian lận tài chính một cách khoa học và hiệu quả. Tác giả khuyến nghị các nhà khoa học, cơ quan quản lý, các tổ chức trong ngành thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập, hiệp hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán viên tiếp tục nghiên cứu để xây dựng các phương pháp đánh giá và điều tra gian lận một cách hiệu quả hơn bao gồm:

- Cần có hệ thống hoá một cách toàn diện các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận như cơ sở để tiếp cận đối với gian lận và tránh cách tiếp cận đơn lẻ và không có tính hệ thống. Việc nghiên cứu theo mô hình Tam giác gian lận theo bài viết này là một phương pháp hiệu quả khi nghiên cứu gian lận từ các cơ hội, động cơ và thái độ như là nguyên gốc của gian lận sẽ giúp tiếp cận hành vi gian lận nói chung cũng như gian lận trong lập báo cáo tài chính nói riêng một cách toàn diện;

- Cần xây dựng hệ thống đánh giá gian lận theo các tiêu thức cụ thể để xác định được các yếu tố dẫn đến rủi ro chính từ đó giúp các cơ quan quản lý, nhà điều tra tập trung điều tra và kiểm soát gian lận có tính trọng tâm và nâng cao hiệu quả;

- Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng các phương pháp thủ tục kiểm tra/điều tra gian lận dựa vào các yếu tố tác động tới gian lận và ảnh hưởng của các yếu tố này đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Điều này sẽ hỗ trợ cho các đơn vị kiểm toán/thanh tra tài chính nâng cao hiệu quả điều tra gian lận của mình. □

#### Tài liệu tham khảo:

- Albercht, W.S., and M.B.Rommey (1986) "Red – Flagging Management Fraud: A Validation", *Advances in Accounting*, 3, pp 323-334.
- Abdul Majid, Gul, FA & Tsui, J S L (2001), An analysis of Hong Kong auditors' perception of importance of select-ed red flag factors in risk assessment", *Journal of Business Ethics*, vol. 32, pp263-274.
- ACFE (2010) - Association of Certified Fraud Examiners. *Report to the Nation on Occupational Fraud and Abuse*- Austin, Texas: ACFE 55
- Bell, T.B., và J.V. Carcello (2000), "A decision aid for assessing the likelihood of fraudulent financial reporting", *Auditing: Journal of Practice & Theory*, 19 (1), pp 169-184.
- Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 214/2012 ban hành 37 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, trang web của Bộ Tài chính.
- Cottrell, D.M., and W.S.Albecht (1994), "Reconizing the symptoms of employee fraud", *Health care marketing research*, 14(1), 60-68.
- Cressey D.R., *Other people's money* (1953): A study in the social psychology of embezzlement, *Glencoe, IL*. Free

Press.

- Gramling, A A & Myers, P M (2003) “Internal auditors’ assessment of fraud warning signs: Implication for external auditor”, *The CPA Journal*, vol. 73, no.6, pp20-24.
- Heiman – Hoffman, V. B.,K.P. Morgan, and J.M. Patton (1996), ”The Warning Signs of Fraudulent Financial Reporting”, *Journal of Accountancy*, 182 (4), 75 – 81.
- Huyền Thư (2013), *Vnexpress trực tuyến ở Việt Nam*, truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2013, từ <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/vinashin-nhung-sai-lam-ty-do-2882982.html>
- Nhật Minh – Hoàng Ly (2010), *Vnexpress trực tuyến Việt Nam*, truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2013, từ <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/chung-khoan/ngghi-an-quoc-cuong-gia-lai-giau-lai-2707026.html>
- International Standards on Auditing (ISA) 240 (2002), The auditor’s responsibility to consider Fraud in a Financial Statement Audit, IAASB of IFAC issued.
- KPMG (2009). *KPMG Forensic Fraud Survey 2009* [Brochure]. KPMG LLP
- Modar Abdullatif (2013) “Fraud Risk Factors and Audit Programme Modifications: Evidence from Jordan”, *Australasian Accounting Business and Finance Journal*, 7(1), pp59-77.
- Moyes, G D, Lin, P & Laundry, R M (2005), “Raise the red flag”, *Internal Auditor*, vol. 62, no.5, pp 47 – 51.
- Ngô Thu Hà (2007), Phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của Kiểm toán viên độc lập đối với việc phát hiện gian lận và sai sót trong cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính, *Luận văn thạc sỹ*, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Skousen, C. J. and C.J. Wright (2006), “Contemporaneous risk factors and the prediction of financial statement fraud,” *Working paper*, university of texas at Arlinton, 2006
- Statement on Auditing Standards No. 53 (1988), The auditor’s responsibility to detect and report errors and irregularities, *American Institute of Certified Public Accountants*, Inc. New York, NT.
- Statement on Auditing Standards No. 82 (1997), Considerations of Fraud in a Financial Statement Audit, *American Institute of Certified Public Accountants*, Inc. New York, NT.
- Statement on Auditing Standards No. 99 (2002), Considerations of Fraud in a Financial Statement Audit, *American Institute of Certified Public Accountants*, Inc. New York, NT. Retrieved 5 December 2008 from <http://www.aicpa.org/download/antifraud/SAS-99-Exhibit.pdf> 64.

## Discussion on financial fraud risk factors in enterprises

*Abstract:*

*This paper analyzes financial fraud risk factors in order to evaluate the effects of the financial frauds on the economy. Through summary of the researches on financial frauds and the key factors effect to the risks of financial frauds in the enterprises with reference to practice in Vietnam. This is a useful topic for the management, inspectors, auditors used as initial reference in detecting and controlling, auditing fraud effectively.*

---

### Thông tin tác giả:

**\*Tạ Thu Trang**, thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế quốc dân
  - Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán và phân tích hoạt động kinh tế.
  - Tạp chí đã tham gia gửi bài: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán
- Email: [tthutrang7050@yahoo.com](mailto:tthutrang7050@yahoo.com).

**\*\*Nguyễn Thị Hương**, thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kế toán, Trường đại học Công đoàn
  - Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kiểm toán và kế toán
- Email: [huongnt@dhcd.edu.vn](mailto:huongnt@dhcd.edu.vn)